

Bản án số: 775/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu, Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ
Hong Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ C1-07-04 chung cư T – số 523A ĐX, khu phố 6, phường P, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Công V, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ C1-07-04 chung cư T – số 523A ĐX, khu phố 6, phường P, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn ngày 19/12/2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Như T trình bày: Bà và ông Võ Công V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường P1, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2016 ngày 17/9/2016. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến tháng 9/2017 thì vợ chồng thường xảy ra cãi vã do ông V không có công việc ổn định, hay uống rượu, xúc phạm bà, không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn giữa đôi bên ngày càng trầm trọng nên đôi bên sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Bà xác định vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có một người con chung Võ Tường Thảo V1, sinh ngày 23/9/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Võ Công V dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông V, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Tường Thảo V1, sinh ngày 23/9/2017, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, đôi bên tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Ông Võ Công V vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T. Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Như T và ông Võ Công V đã được Ủy ban nhân dân phường P1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2016 ngày 17/9/2016. Bà T yêu cầu ly hôn với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và ông Võ Công V cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Võ Công V dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Theo lời khai của bà T thì vợ chồng bà tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn do ông V không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay.

Ngày 02 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do bà Nguyễn Thị Như T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Công V. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật cho ông V đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, đôi bên ly thân thời gian dài, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông V là có cơ sở giải quyết.

[3.2] Về con chung: Xét người con Võ Tường Thảo V1, sinh ngày 23/9/2017 hiện còn nhỏ và được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi sinh ra đến nay nên cần giao người con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho người con.

[3.3] Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Ông Võ Công V không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà T khai không có nợ chung. Ông Võ Công V không có văn bản trình bày ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải nộp nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013084 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như T được ly hôn ông Võ Công V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2016 ngày 17/9/2016 do Ủy ban nhân dân phường P1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Võ Công V và bà Nguyễn Thị Như T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Như T được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Võ Tường Thảo V1, sinh ngày 23/9/2017. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Như T không yêu cầu ông Võ Công V cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Như T phải nộp nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013084 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- UBND phường P1, Quận T1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo